

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường,
giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, gồm 77 dự án, với tổng khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 4.899.134.730.000 đồng (bốn nghìn, tám trăm chín mươi chín tỷ, một trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng), tổng diện tích đất thu hồi là 549,49 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy trình, quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Cẩm Đào

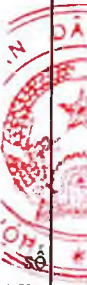
Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT, MỨC VỐN BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------|---|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| I | HUYỆN LONG PHÚ | 41,85 | 2,93 | 38,92 | 29,53 | 9,39 | 216.170,00 | | | | |
| 1 | Mở rộng Trường Tiểu học Hậu Thạnh | 0,42 | 0,32 | 0,10 | | 0,10 | 250,00 | Ngân sách | Xã Hậu Thạnh | Theo Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn xổ số kiến thiết năm 2022 (Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận); nhu cầu mở rộng trường để đạt chuẩn của địa phương | |
| 2 | Mở rộng Trường Tiểu học Tân Hưng C | 0,53 | 0,40 | 0,13 | 0,13 | | 170,00 | Ngân sách | Xã Tân Hưng | Vốn thu hồi đất từ ngân sách huyện (nhu cầu của địa phương để đảm bảo trường đạt chuẩn) | |
| 3 | Đường nối từ Quốc lộ 60 đến Quốc lộ Nam Sông Hậu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 11,30 | 1,06 | 10,24 | 5,30 | 4,94 | 68.800,00 | Ngân sách | Thị trấn Đại Ngãi | Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1163/UBND-TNMT ngày 27/10/2021 của UBND huyện Long Phú |
| 4 | Khu tái định cư Khu công nghiệp Đại Ngãi | 9,60 | 0,20 | 9,40 | 8,77 | 0,63 | 37.600,00 | Ngân sách | Xã Long Đức | Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 5 | Khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đại Ngãi | 8,40 | 0,35 | 8,05 | 7,63 | 0,42 | 32.200,00 | Ngân sách | Xã Long Đức | Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 | |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 933, tỉnh Sóc Trăng | 5,50 | | 5,50 | 4,00 | 1,50 | 45.900,00 | Ngân sách | Xã Tân Thạnh xã Tân Hưng thị trấn Long Phú | Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 774/BQLDA2-PDA1 ngày 26/10/2021 của Ban Quản lý dự án 2 và Công văn số 1163/UBND-TNMT ngày 27/10/2021 của UBND huyện Long Phú |
| 7 | Khu tái định cư và nhà ở xã hội thuộc Khu đô thị mới Nam Sông Hậu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 6,10 | 0,60 | 5,50 | 3,70 | 1,80 | 31.250,00 | Ngân sách | Thị trấn Long Phú | Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện Long Phú về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Nam Sông Hậu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Công văn số 1163/UBND-TNMT ngày 27/10/2021 của UBND huyện Long Phú |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------------------------|--|---------|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| II | HUYỆN CHÂU THÀNH | 17,10 | | 17,10 | 9,29 | 7,81 | 76.535,00 | | | | |
| 1 | Trường Tiểu học thị trấn Châu Thành A | 0,40 | | 0,40 | | 0,40 | 1.000,00 | Ngân sách | Thị trấn Châu Thành | Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND huyện Châu Thành quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 2 | Trường Mầm non Hướng Dương | 0,20 | | 0,20 | 0,20 | | 400,00 | Ngân sách | Xã An Ninh | Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp và thảm bê tông nhựa nóng Đường 932 (đoạn từ giao Quốc lộ 1 đến thị trấn Kế Sách), tỉnh Sóc Trăng | 5,60 | | 5,60 | 0,20 | 5,40 | 17.735,00 | Ngân sách | Xã An Hiệp, xã Phú Tân, xã Phú Tâm | Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt dự án đầu tư | |
| 4 | Dự án Đường huyện 95 | 3,00 | | 3,00 | 2,80 | 0,20 | 30.000,00 | Ngân sách | Xã Phú Tân, xã Phú Tâm | Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 5 | Dự án Đường huyện 97 | 3,00 | | 3,00 | 2,18 | 0,82 | 18.000,00 | Ngân sách | Xã Thuận Hòa, xã Phú Tân, xã Phú Tâm | Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |



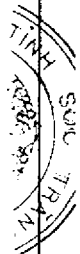
Công văn số
1157/UBND-VP
ngày 02/11/2021
của UBND huyện
Châu Thành

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|------------|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|--|---------------------|--------------------|------------------------|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | | | | | | Các loại đất khác |
| 6 | Mở rộng Trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú | 0,70 | | 0,70 | | 0,70 | 1.400,00 | Ngân sách | Xã An Hiệp | Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng | |
| 7 | Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Châu Thành | 4,20 | | 4,20 | 3,91 | 0,29 | 8.000,00 | Ngân sách | Thị trấn Châu Thành | Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 611/UBND-VP ngày 07/7/2021 của UBND huyện Châu Thành |
| III | HUYỆN TRẦN ĐỀ | 9,14 | | 9,14 | 6,07 | 3,07 | 17.759,73 | | | | |
| 1 | Trường mẫu giáo Liêu Tú | 0,58 | | 0,58 | 0,58 | | 1.044,00 | Ngân sách | Xã Liêu Tú | Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Trần Đề về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1343/UBND-TNMT ngày 01/11/2021 của UBND huyện Trần Đề |
| 2 | Đường huyện 31 | 5,91 | | 5,91 | 5,49 | 0,42 | 10.882,00 | Ngân sách | Xã Tài Văn, xã Viên An | Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Đường huyện 34 | 2,65 | | 2,65 | | 2,65 | 5.833,73 | Ngân sách | Xã Đại Ân 2 | Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 23/10/2020 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| IV | HUYỆN MỸ TÚ | 23,21 | 4,57 | 18,64 | 10,66 | 7,98 | 68.550,00 | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------------|---|---------|
| | | | | Diện tích | Trồng đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 1 | Đường tỉnh 926B (đường vào cầu phía Sóc Trăng) | 1,20 | | 1,20 | | 1,20 | 20.000,00 | Ngân sách | Xã Hưng Phú | - Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2021 - Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 HĐND tỉnh Hậu Giang về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án | |
| 2 | Đường huyện 80 | 10,82 | 0,11 | 10,71 | 6,16 | 4,55 | 30.000,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước, xã Hưng Phú | - Công văn số 1684/SGTVT ngày 27/9/2021 của Sở Giao thông vận tải về việc điều chỉnh đoạn tuyến Đường tỉnh 939 (quy hoạch) thành Đường huyện 80 thuộc địa phận huyện Mỹ Tú - Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 21/6/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------------|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 3 | Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú | 3,05 | 1,30 | 1,75 | | 1,75 | 5.000,00 | Ngân sách | Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa | - Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 - Các Sở, ngành tỉnh thống nhất chủ trương thực hiện dự án theo Biên bản làm việc số 80/BB-HĐTĐ ngày 07/7/2021 của Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các công trình, dự án đầu tư công thuộc ngân sách nhà nước cấp tỉnh | Công văn số 1246/UBND-HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện Mỹ Tú |
| 4 | Trường Tiểu học Thuận Hưng A | 0,84 | 0,14 | 0,70 | | 0,70 | 1.300,00 | Ngân sách | Xã Thuận Hưng | Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về quyết định chủ trương đầu tư dự án. | |
| 5 | Trường Tiểu học Thuận Hưng B | 0,63 | 0,48 | 0,15 | | 0,15 | 270,00 | Ngân sách | Xã Thuận Hưng | Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về quyết định chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 6 | Trường Tiểu học Mỹ Phước E | 0,52 | 0,16 | 0,36 | 0,36 | | 630,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước | Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 7 | Trường Tiểu học Mỹ Phước D | 0,53 | | 0,53 | 0,53 | | 930,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước | Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về Quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 8 | Trường THCS Thuận Hưng | 0,58 | 0,28 | 0,30 | 0,30 | | 530,00 | Ngân sách | Xã Thuận Hưng | Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 9 | Trường THCS Mỹ Phước | 0,66 | 0,34 | 0,32 | 0,32 | | 560,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước | Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Mỹ Tú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 10 | Trường Tiểu học Mỹ Tú A | 0,70 | | 0,70 | 0,70 | | 800,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Tú | Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Tú về quyết định chủ trương đầu tư dự án | |
| 11 | Dự án cầu Kênh Xáng Mỹ Phước | 0,60 | | 0,60 | 0,30 | 0,30 | 2.100,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước | Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1246/UBND-HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện Mỹ Tú |



| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------------|--|---------|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 12 | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú (thu hồi thêm đường vào trụ sở) | 1,20 | 1,08 | 0,12 | | 0,12 | 350,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Tú | Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú quyết định về việc chủ trương đầu tư dự án | |
| 13 | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú (thu hồi thêm đường vào trụ sở) | 0,88 | 0,68 | 0,20 | | 0,20 | 580,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Thuận | Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú quyết định về việc chủ đầu tư dự án | |
| 14 | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú | 0,70 | | 0,70 | | 0,64 | 1.000,00 | Ngân sách | Xã Mỹ Phước | Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Mỹ Tú quyết định về việc chủ đầu tư dự án | |
| 15 | Cụm Trạm trại nông nghiệp | 0,30 | | 0,30 | | 0,30 | 4.500,00 | Ngân sách | Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa | Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 19/7/2021 của HĐND huyện Mỹ Tú về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ các nguồn vốn do ngân sách huyện quản lý trên địa bàn huyện Mỹ Tú | |
| V | HUYỆN KÊ SÁCH | 20,79 | 0,70 | 20,09 | | 14,20 | 45.300,00 | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|---|--|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 932B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | 11,70 | | 11,70 | 8,10 | 3,60 | 24.000,00 | Ngân sách | Xã Đại Hải, xã Ba Trinh, xã Xuân Hòa | Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | - Công văn số 774/BQLDA2-PDA1 ngày 26/10/2021 của Ban Quản lý dự án 2. - Công văn số 550/UBND-VP ngày 02/11/2021 của UBND huyện Kế Sách |
| 2 | Gia cố và di dời các hộ dân ven sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (hạng mục: Bờ kè) | 0,69 | | 0,69 | | 0,69 | 1.100,00 | Ngân sách | Xã Thới An Hội, xã An Lạc Tây, xã Kế An, xã Nhơn Mỹ | Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Gia cố và di dời các hộ dân ven sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (hạng mục: Tái định cư) | 1,50 | | 1,50 | 1,50 | | 8.500,00 | Ngân sách | Thị trấn Kế Sách | Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|------------------------------|---|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 4 | Nghĩa trang nhân dân liên xã Thới An Hội - Kế Thành - Nhơn Mỹ (hạng mục: Tái định cư) | 0,95 | 0,70 | 0,25 | | 0,25 | 2.000,00 | Ngân sách | Xã Thới An Hội | Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới | Công văn số 550/UBND-VP ngày 02/11/2021 của UBND huyện Kế Sách |
| 5 | Trường Mẫu giáo Phong Năm | 0,30 | | 0,30 | | 0,30 | 1.000,00 | Ngân sách | Xã Phong Năm | Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Kế Sách về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 6 | Di tích chiến tranh Mỹ nguy hiểm thương dân ở Vàm Cái Cau (ấp An Ninh, xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách) | 0,05 | | 0,05 | | 0,05 | 700,00 | Ngân sách | Thị trấn An Lạc Thôn | Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Kế Sách về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án | |
| 7 | Nâng cấp, mở rộng Đường huyện 7 đoạn Na Tung - Mỏ Neo, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng | 5,60 | | 5,60 | 4,60 | 1,00 | 8.000,00 | Ngân sách | Thị trấn Kế Sách xã Kế Thành | Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án. | Công văn số 550/UBND-VP ngày 02/11/2021 của UBND huyện Kế Sách |
| VI | HUYỆN CÙ LAO DUNG | 6,94 | | 6,94 | | 6,94 | 82.280,00 | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|------------|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|--|---------------------|--------------------|------------------------------|--|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | | | | | | Các loại đất khác |
| 1 | Xây dựng mới cầu Khém Sâu | 1,10 | | 1,10 | | 1,10 | 2.280,00 | Ngân sách | Xã Đại Ân 1, xã An Thạnh Tây | Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 774/BQLDA2-PDA1 ngày 26/10/2021 của Ban Quản lý dự án 2 và ông văn số 2731/UBND-TNMT ngày 02/11/2021 của UBND huyện Cù Lao Dung |
| 2 | Mở rộng Đường tỉnh 933B đoạn qua thị trấn Cù Lao Dung | 5,00 | | 5,00 | | 5,00 | 38.000,00 | Ngân sách | Thị trấn Cù Lao Dung | Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Đường trục chính nội đồng Rạch Miếu - Đầu Cù Lao Dung | 0,84 | | 0,84 | | 0,84 | 42.000,00 | Ngân sách | Xã An Thạnh 1 | Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND huyện Cù Lao Dung về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 2731/UBND-TNMT ngày 02/11/2021 của UBND huyện Cù Lao Dung |
| VII | THỊ XÃ NGÃ NĂM | 13,66 | | 13,66 | | 10,64 | 3,02 | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-------------|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|---------------------------|--|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 1 | Dự án thu hồi đất Trường Tiểu học ấp 18 | 0,60 | | 0,60 | 0,60 | | 630,00 | Ngân sách | Xã Tân Long | Quyết định số 265/QĐXD-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Ngã Năm về giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Ngã Năm năm 2022 | Tờ trình số 229/TTr.TNMT ngày 03/11/2021 của Phòng TNMT thị xã Ngã Năm |
| 2 | Đường D3, N1 đến D2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng | 4,68 | | 4,68 | 4,33 | 0,35 | 27.247,00 | Ngân sách | Phường 1 | Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Đường D2 (lộ từ đường 3/2 Phường 1 đến Quán lộ - Phụng Hiệp), thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng | 8,33 | | 8,33 | 5,71 | 2,62 | 26.004,00 | Ngân sách | Phường 1 | Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 4 | Xây dựng mới Nhà sinh hoạt cộng đồng khóm Tân Thành - khóm Tân Chánh A, Phường 2 | 0,05 | | 0,05 | | 0,05 | 70,00 | Ngân sách | Phường 2 | Quyết định số 381/QĐXD-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Ngã Năm về giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản | Tờ trình số 229/TTr.TNMT ngày 03/11/2021 của Phòng TNMT thị xã Ngã Năm |
| VIII | HUYỆN MỸ XUYÊN | 17,99 | 1,79 | 16,20 | 1,26 | 14,94 | 28.698,00 | | | | |
| 1 | Đầu tư hạ tầng vùng sản xuất tôm lúa hữu cơ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 7,84 | | 7,84 | | 7,84 | 10.610,00 | Ngân sách | Xã Hòa Tú 1, xã Gia Hòa 1 | Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|-------------------------|--|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 2 | Công trình Nâng cấp cầu Rạch Gò qua Đường huyện 55, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0,90 | | 0,90 | | 0,90 | 1.700,00 | Ngân sách | Xã Hòa Tú 1 | Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư Dự án Phát triển thủy sản bền vững (SFDP), vay vốn WB - Dự án thành phần tỉnh Sóc Trăng | |
| 3 | Công trình Nâng cấp cơ sở hạ tầng Đường huyện 54, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 3,25 | 0,78 | 2,47 | | 2,47 | 1.300,00 | Ngân sách | Xã Hòa Tú 1, xã Ngọc Tố | Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư Dự án Phát triển thủy sản bền vững (SFDP), vay vốn WB - Dự án thành phần tỉnh Sóc Trăng | Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 21/10/2021 của UBND huyện Mỹ Xuyên |
| 4 | Công trình Nâng cấp mở rộng vận chuyển hàng hóa nuôi trồng thủy sản (Đường tỉnh 940 cũ) huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 2,61 | 1,01 | 1,60 | | 1,60 | 5.600,00 | Ngân sách | Xã Thạnh Phú | Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư Dự án Phát triển thủy sản bền vững (SFDP), vay vốn WB - Dự án thành phần tỉnh Sóc Trăng | |
| 5 | Công trình Khu thể thao đa năng xã Tham Đôn | 0,60 | | 0,60 | | 0,60 | 500,00 | Ngân sách | Xã Tham Đôn | Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 Chủ tịch UBND huyện Mỹ Xuyên về giao chủ đầu tư các dự án | |



| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|---------------------------------|---|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 6 | Xây dựng mới Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 2,79 | | 2,79 | 0,66 | 2,13 | 8.988,00 | Ngân sách | Xã Hòa Tú 1 | Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1326/BQLDA1-KHTH ngày 28/10/2021 của Ban Quản lý dự án 1 và Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Mỹ Xuyên |
| IX | THỊ XÃ VĨNH CHÂU | 105,21 | 20,41 | 84,80 | | 84,80 | 131.566,00 | | | | |
| 1 | Đường Thanh Niên nối dài đoạn từ ngã ba Nguyễn Huệ đến giáp đê biển | 19,80 | | 19,80 | | 19,80 | 62.172,00 | Ngân sách | Phường 1 | Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án | |
| 2 | Đường 30/4 nối dài, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng | 17,40 | | 17,40 | | 17,40 | 37.000,00 | Ngân sách | Phường 1 | Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 13/07/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Nâng cấp Đường tỉnh 936 và cầu trên tuyến, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng | 7,30 | | 7,30 | | 7,30 | 26.000,00 | Ngân sách | Phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hiệp | Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|----------------------------|--|--|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 4 | Trường THCS và THPT Dân tộc Nội trú Vĩnh Châu | 2,01 | 1,01 | 1,00 | | 1,00 | 1.090,00 | Ngân sách | Xã Vĩnh Tân | Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 01/10/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án | |
| 5 | Đường huyện 45 | 33,00 | 11,00 | 22,00 | | 22,00 | 2.262,00 | Ngân sách | Phường 1, Phường Khánh Hòa | Công văn số 842/UBND-XD ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách nhà nước. | Công văn số 2692/UBND-KT ngày 04/11/2021 của UBND thị xã Vĩnh Châu |
| 6 | Đường huyện 47 | 25,20 | 8,40 | 16,80 | | 16,80 | 2.316,00 | Ngân sách | Phường Vĩnh Phước | Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 7 | Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn | 0,20 | | 0,20 | | 0,20 | 405,00 | Ngân sách | Xã Lạc Hòa | Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án | |
| 8 | Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn | 0,30 | | 0,30 | | 0,30 | 321,00 | Ngân sách | Xã Vĩnh Tân | Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| X | THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG | 243,68 | 10,87 | 232,81 | 127,28 | 105,53 | 3.681.025,00 | | | | |
| 1 | Đường cấp kênh 30/4 (từ giáp đường Phan Huỳnh Hộ đến Khu dân cư Minh Châu) | 1,24 | 0,85 | 0,39 | 0,05 | 0,34 | 10.140,00 | Ngân sách | Phường 6 | Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1998/UBND-HC ngày 03/11/2021 của UBND thành phố Sóc Trăng |
| 2 | Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Hộ đến đường Kênh 30/4) | 0,42 | 0,08 | 0,34 | | 0,34 | 5.440,00 | Ngân sách | Phường 6 | Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng K88 về chủ trương đầu tư dự án | |
| 3 | Nâng cấp hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) | 0,77 | 0,46 | 0,31 | | 0,31 | 9.300,00 | Ngân sách | Phường 10 | Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 07/9/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 4 | Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ | 2,75 | 1,36 | 1,39 | | 1,39 | 29.190,00 | Ngân sách | Phường 7 | Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 5 | Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tà Lách) | 1,17 | 0,69 | 0,48 | | 0,48 | 14.400,00 | Ngân sách | Phường 3 | Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|---------------------|--|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 6 | Phân pha dây dẫn đường dây 110kV 2 mạch Sóc Trăng 2 - Sóc Trăng từ AC 240 thành 2xAC240 | 0,07 | | 0,07 | 0,03 | 0,04 | 525,00 | Ngân sách | Phường 2, Phường 10 | Quyết định số 799/QĐ-PCST ngày 16/4/2021 của Công ty Điện lực Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình | |
| 7 | Các dự án thuộc Phân khu 8D, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 234,69 | 6,68 | 228,01 | 126,88 | 101,13 | 3.420.150,00 | Ngân sách | Phường 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng Chợ đầu mối - Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng. - Công văn số 1262/SCT-KHTCTH ngày 31/8/2021 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để lập KHSĐĐ năm 2022 thành phố Sóc Trăng | Công văn số 1998/UBND-HC ngày 03/11/2021 của UBND thành phố Sóc Trăng |
| 8 | Mở rộng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | 0,50 | | 0,50 | 0,32 | 0,18 | 9.000,00 | Ngân sách | Phường 9 | Công văn số 1964/UBND-KT ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc hoàn thiện cơ sở pháp lý về đất đai để thực hiện dự án mở rộng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------------|---|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--------------------|---|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 9 | Đường từ cầu Chữ Y đến đường Hùng Vương | 0,77 | 0,17 | 0,60 | | 0,60 | 108.000,00 | Ngân sách | Phường 6 | Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 10 | Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy, Phường 3, thành phố Sóc Trăng | 1,30 | 0,58 | 0,72 | | 0,72 | 74.880,00 | Ngân sách | Phường 3 | Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của HĐND thành phố Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1998/UBND-HC ngày 03/11/2021 của UBND thành phố Sóc Trăng |
| XI | HUYỆN THẠNH TRỊ | 0,98 | | 0,98 | 0,70 | 0,28 | 14.800,00 | | | | |
| 1 | Đường giao thông đoạn từ cầu kênh 85 đến Tỉnh lộ 940, huyện Thạnh Trị | 0,98 | | 0,98 | 0,70 | 0,28 | 14.800,00 | Ngân sách | Xã Lâm Tân | Công văn số 2676/UBND-XD ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc hỗ trợ đầu tư dự án giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Thạnh Trị | Báo cáo số 265/BC UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Thạnh Trị |
| XII | CÁC DỰ ÁN LIÊN HUYỆN | 92,45 | 2,24 | 90,21 | 67,81 | 22,40 | 482.500,00 | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|--|--|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 1 | Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 938 (đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến giao ĐT. 939); Đường tỉnh 939 (từ cầu Bung Cóc đến thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa), tỉnh Sóc Trăng | 14,90 | | 14,90 | 6,65 | 8,25 | 50.000,00 | Ngân sách | Huyện Mỹ Tú, huyện Châu Thành, huyện Mỹ Xuyên, thành phố Sóc Trăng | Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 2 | Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 940 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Hòa Phương; Đoạn từ Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp đến Quốc lộ 1), tỉnh Sóc Trăng | 11,30 | | 11,30 | 8,15 | 3,15 | 76.000,00 | Ngân sách | Huyện Mỹ Tú, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Xuyên | Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 802/BQLDA2-PDA1 ngày 02/11/2021 của Ban Quản lý dự án 2 |
| 3 | Xây dựng mới 04 cầu: Lắc Bung, So Đũa, Khánh Hòa, An Nô trên Đường tỉnh 935, tỉnh Sóc Trăng | 4,12 | | 4,12 | 0,75 | 3,37 | 40.000,00 | Ngân sách | Huyện Trần Đề, thị xã Vĩnh Châu | Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Diện tích đất hiện có (ha) | Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha) | | | Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-------------------------------|--|--------------------------|----------------------------|--|---------------|-------------------|--|---------------------|---------------------------------------|--|---|
| | | | | Diện tích | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | Đất trồng lúa | Các loại đất khác | | | | | |
| 4 | Xây dựng mới 03 cầu An Tập, Ba Rinh, Thuận Hòa trên Đường tỉnh 939B; xây dựng mới cầu Năm Lèn trên Đường tỉnh 933B, tỉnh Sóc Trăng | 1,30 | | 1,30 | 0,10 | 1,20 | 19.500,00 | Ngân sách | Huyện Châu Thành, huyện Cù Lao Dung | Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | |
| 5 | Đường Vành đai II | 58,33 | 2,24 | 56,09 | 52,16 | 3,93 | 297.000,00 | Ngân sách | Huyện Châu Thành, thành phố Sóc Trăng | Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án | Công văn số 1343/CV-QLĐAI ngày 01/11/2021 của Ban Quản lý dự án 1 |
| 6 | Trạm biến 110 kV Cảng Cái Côn và đường dây đầu nối | 2,50 | | 2,50 | | 2,50 | | Vốn ngoài ngân sách | Huyện Long Phú, huyện Kế Sách | Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Công trình đường dây và trạm biến áp 110kV Cảng Cái Côn vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 | Công văn số 1693/SCT-QLNL ngày 03/11/2021 của Sở Công Thương |
| Tổng số: 77 công trình | | 593,00 | 43,51 | 549,49 | 277,44 | 272,05 | 4.899.134,73 | | | | |